

Hoạt động phi nông nghiệp của các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới Việt - Trung

Trần Hồng Hạnh¹

¹ Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: tranhanh73@yahoo.com

Nhận ngày 10 tháng 7 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 27 tháng 7 năm 2017.

Tóm tắt: Vùng biên giới Việt - Trung có vị trí chiến lược địa chính trị quan trọng của đất nước. Kể từ khi bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc năm 1991 đến nay, quan hệ song phương Việt - Trung chuyển sang thời kỳ mới, tích cực hơn trước, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế biên mậu phát triển, góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình và cải thiện mức sống của người dân các dân tộc thiểu số (DTTS), đặc biệt là các dân tộc Mông, Dao, Tày và Nùng ở vùng biên giới Việt - Trung. Trong đó, những hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, đặc biệt là nghề thủ công truyền thống, làm thuê và kinh doanh nhỏ, có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay, người dân các dân tộc thiểu số vùng biên giới Việt - Trung vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong hoạt động phi nông nghiệp. Trong đó, đáng chú ý là thiếu vốn, trình độ dân trí thấp, lao động chủ yếu là thủ công và chưa qua đào tạo, bất ổn về xã hội ngày càng tăng.

Từ khóa: Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, dân tộc thiểu số, vùng biên giới Việt - Trung.

Phân loại ngành: Dân tộc học

Abstract: The Vietnam-China border bears a strategically important geopolitical position for Vietnam. When the two countries normalised ties in 1991, their bilateral relations were shifted into a new era, more positive than before, facilitating the development of cross-border economy, contributing to the development of the household economy and improving the living standards of local ethnic minority groups, especially the Mong, Dao (Yao), Tay and Nung ethnic groups. Therein, non-agricultural economic activities, especially traditional handicrafts, working as hired labour, and doing small business, bear an important role and high significance. However, at present, in the activities, the ethnic minority groups are still faced with many difficulties and challenges, among which the most noteworthy are the lack of capital, low educational level, local labour being mostly manual and untrained, and increasing social instability.

Keywords: Non-agricultural economic activities, ethnic minority groups, Vietnam-China border area.

Subject classification: Ethnology

1. Giới thiệu

Vùng biên giới Việt - Trung là nơi sinh sống của nhiều tộc người, trong đó chủ yếu là DTTS. So với các vùng khác của Việt Nam, mật độ dân số ở vùng biên giới Việt - Trung thấp và phân bố không đều [11]. Ở hầu khắp các địa phương, các tộc người đều cư trú xen kẽ nhau với nhau. Trung bình có từ vài tộc người trở lên trong một xã, từ chục tộc người trở lên trong một huyện [22]. Nguồn sinh kế của các DTTS rất đa dạng. Trong khi một số tộc người (như người Tày, Nùng, Thái...) sống dựa chủ yếu vào canh tác ruộng nước thì một số tộc người khác lại sống dựa chủ yếu vào canh tác nương rẫy (như người Mông, Dao) hay sống dựa vào canh tác nương rẫy kết hợp với một phần ruộng nước (như người Khơ Mú, Xinh Mun, Hà Nhì...). Đa số các tộc người sống định canh định cư, một số khác vẫn giữ tập quán du canh du cư (như người Mông, Dao, Khơ Mú...). Bên cạnh các hoạt động sản xuất nông nghiệp, các cư dân vùng biên giới đã từng bước tăng cường sự đa dạng hóa sinh kế để cải thiện kinh tế hộ gia đình, làm các nghề phi nông nghiệp như: nghề thủ công truyền thống, làm thuê luân phiên vào những lúc nông nhàn hoặc những khi có hàng về qua đường cửa khẩu, kinh doanh nhỏ, cho thuê nhà trọ, làm công cho một số công ty ở miền Nam (đối với người Tày và Nùng ở tỉnh Lạng Sơn) hoặc ở tỉnh Bắc Giang (đối với người Tày, Dao ở tỉnh Lào Cai và Lai Châu), giáo viên, cán bộ nhà nước... Bài viết này phân tích tính chất hoạt động phi nông nghiệp (làm nghề thủ công truyền thống, làm thuê, kinh doanh nhỏ) của các DTTS ở vùng biên giới Việt - Trung và những vấn đề tồn tại từ hoạt động đó.

2. Làm nghề thủ công truyền thống

Một số DTTS ở vùng biên giới Việt - Trung có truyền thống làm nghề thủ công. Tuy nhiên, một số nghề (như nghề dệt) đã bị mai một hoặc biến mất, một số nghề vẫn được duy trì và phát triển: nghề rèn và nghề mộc của người Tày và Nùng; nghề làm ngói của người Giáy; nghề nấu rượu, chủ yếu ở cộng đồng Dao; nghề đan lát bằng mây tre, chủ yếu ở cộng đồng người Thái... Trong đó, các sản phẩm rèn của người Tày và Nùng vẫn rất nổi tiếng và được ưa chuộng trong vùng, đặc biệt là ở tỉnh Lạng Sơn; họ cũng thực hành các nghề như khai thác gỗ, thợ mộc vì có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này [9]. Người Giáy và một số DTTS ở trong và gần khu vực cư trú với người Giáy vẫn sử dụng ngói do người Giáy sản xuất...

Có thể nói, trước đây nghề nấu rượu có ở hầu hết các DTTS ở vùng biên giới Việt-Trung. Tuy nhiên, nổi tiếng nhất và vẫn được duy trì, phát triển cho đến ngày nay chính là rượu (cả rượu gạo và rượu ngô) của người Dao; trong đó, do điều kiện địa hình, khí hậu và nguồn nước nên rượu của người Dao ở Mẫu Sơn (Lạng Sơn) khá nổi tiếng. Khảo sát năm 2008, có 75% số hộ trong thôn Nhọt Nặm nấu rượu, gắn chặt chẽ với nó là sử dụng bồng rượu làm thức ăn cho lợn. Do đó, có hộ thu hàng chục triệu đồng từ nấu rượu và nuôi lợn. Số xe máy của thôn tăng nhanh, số người đi chợ ngày càng đông cũng bởi nghề nấu rượu [3]. Khảo sát bằng phiếu hỏi tại cộng đồng người Dao, Mông, Tày và Nùng ở hai tỉnh Lào Cai và Lai Châu (2015-2016) cho thấy, có 26,8% người Dao được hỏi thừa nhận gia đình còn làm nghề nấu rượu; trong khi đó, ở cộng đồng người Mông là 22,4%, Nùng - 11,8% và Tày - 5,3%. Trong đó, 3

dân tộc Mông, Nùng và Tày không làm thường xuyên, trừ dân tộc Dao - với 10,5% số người được hỏi thừa nhận điều này. 100% người Tày được hỏi chỉ nấu rượu vào lúc nông nhàn trong khi tỷ lệ tương ứng ở người Nùng là 88,9% và người Dao là 15,8%. 100% người Mông được hỏi cho biết họ chỉ nấu rượu vào những dịp đặc biệt (đám cưới, đám tang...) hoặc phiên chợ.

3. Làm thuê

3.1. Làm thuê trong nước

Công việc làm thuê khá đa dạng, phụ thuộc vào từng vùng và mang tính giới rất rõ rệt. Trong đó, phổ biến nhất vẫn là làm thuê trong nông nghiệp cho những người trong và/hoặc ngoài cộng đồng. Thông thường, đó là những công việc của nhà nông như cấy lúa, chặt mía, lấy củi... Người làm thuê chủ yếu là các lao động nữ DTTS. Chẳng hạn, tại xóm Cốc Xả Dưới (xã Hồng Tri, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng) quan hệ đối công theo truyền thống vẫn được duy trì, song, 44,7% số hộ đã có hoạt động tìm kiếm thu nhập bằng lao động làm thuê, trong đó, 23,8% số hộ có nhu cầu làm thuê đã tìm được việc làm thuê ngay tại xã [6].

Bán hàng thuê cũng là một loại hình làm thuê được một bộ phận DTTS ở sát biên giới Việt-Trung thực hiện. Có thể kể đến trường hợp người Tày và Nùng ở huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Tại chợ cửa khẩu Tân Thanh (huyện Văn Lãng), người Tày và người Nùng đã tham gia bán hàng thuê cho những chủ cửa hàng người Trung Quốc trong những gian hàng lớn. So với làm thuê trong nông nghiệp, công việc bán hàng thuê đỡ vất vả hơn, với mức lương hàng tháng

khoảng từ 2 triệu đồng/người trở lên; mức lương có thể được trả cao hơn (khoảng 3,5 triệu đồng/người/tháng) cho những người biết tiếng Trung. Đây cũng là một lợi thế của người Tày và người Nùng vì họ có thể sử dụng tiếng Trung [2].

Bốc vác thuê cũng là một công việc khá phổ biến ở vùng biên giới Việt - Trung khi kinh tế biên mậu phát triển và nhu cầu vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa tăng cao, đặc biệt vào những dịp cao điểm trong năm (như dịp giáp Tết, khi nhu cầu của đối tác Trung Quốc tăng, vào chính vụ thu hoạch nông sản...). Tại cửa khẩu Lào Cai, mỗi ngày có 300 người dân biên giới chuyên hàng sang thị trấn Hà Khẩu của Trung Quốc [1]. Ngoài làm thuê ở trong thôn và/hoặc xã, vài năm gần đây, người dân (chủ yếu là người Mông) ở xã Nậm Chảy (huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai) còn bốc vác thuê cho cả người Việt Nam và Trung Quốc ở cửa khẩu biên giới. Trong khi những người tham gia bốc vác ở cửa khẩu Mường Khương hay xây dựng trên thành phố Lào Cai đều là nam giới thì ở một số điểm khác, người bốc vác thuê lại là phụ nữ. Bốc vác là một công việc nặng nhọc, đòi hỏi nhiều sức mạnh, nhưng ở một số nơi, những người đàn ông đi bốc vác thuê không mang tiền về nhà cho gia đình; họ tiêu tiền vào những việc được cho là không tốt như uống rượu, đánh bạc hoặc mua sắm không có kế hoạch. Vì vậy, những người phụ nữ buộc phải đi làm công việc này để giữ tiền cho gia đình.

3.2. Làm thuê xuyên biên giới

Do ở gần biên giới Việt -Trung nên làm thuê xuyên biên giới cũng được nhiều dân tộc thực hiện. Tùy từng dân tộc và từng khu vực, công việc làm thuê có thể là các công

việc nông nghiệp (chặt mía, thu hoạch chuối, bón phân, làm cỏ, hái dứa, chặt và bóc vắc chuối...) hoặc phi nông nghiệp (bóc vắc hàng hóa, bán hàng...). Chẳng hạn, phỏng vấn sâu một số nông hộ Tày và Nùng ở tỉnh Lạng Sơn năm 2012 cho thấy, thông thường sau khi thu hoạch lúa xong, một bộ phận lao động nữ (20 lao động nữ người Tày đại diện cho 117 hộ ở thôn Còn Háng, xã Bảo Lâm, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn - chiếm 17,09% tổng số hộ có người làm thuê nông nghiệp ở Trung Quốc) rủ nhau đi chặt mía hoặc lấy củi cho các chủ nông người Trung Quốc, với định kỳ khoảng 5-10 ngày/lần đi và thường đi làm vào tháng 11 và 12 hàng năm. Số tiền họ kiếm được (khoảng 40 nhân dân tệ/người/ngày, tương đương với 140.000 đồng/người/ngày vào thời điểm tháng 3/2012) thường cao hơn so với làm thuê nông nghiệp ở Việt Nam. Việc đi lại từ biên giới Trung Quốc đến địa điểm làm việc được gia chủ Trung Quốc sắp đặt khá chu đáo bằng xe ô tô đủ sức chở 10 người/lần [9].

Tại tỉnh Lào Cai, ngoài làm thuê ở trong thôn, xã, vài năm gần đây, người dân (chủ yếu là người Dao và một bộ phận nhỏ người Mông) ở xã Nậm Chảy (huyện Mường Khương) còn làm thuê cho người Trung Quốc ở bên kia biên giới với các công việc như thủy lợi, trồng và thu hoạch chuối, thông... Trong đó, công việc thu hoạch chuối phổ biến hơn cả. Với công lao động 2-3 nhân dân tệ/buồng, thu nhập của người làm thuê được khoảng 40-50 nhân dân tệ/ngày/người (120.000-150.000 đồng). Việc làm có quanh năm. Họ đi theo nhóm, trên dưới 10 người và thường đi từ 1 tuần đến 10 ngày/lần. Họ được chủ lo ăn ở và được trả lương trung bình khoảng 50-60 nhân dân tệ/ngày/người (150.000-180.000

đồng). Với những việc nặng nhọc (như đào hố chuối, vắc thông)... thì mức thù lao sẽ cao hơn, khoảng 80 nhân dân tệ/ngày/người (240.000 đồng) [5].

Một nghiên cứu khác cho thấy, việc trồng dứa, chuối đã làm xuất hiện nhiều hình thức làm thuê và hình thức dịch vụ (như đào hố trồng dứa và chuối; vắc phân đạm, phân lân từ bờ suối bên kia biên giới về nương; bón phân, làm cỏ; hái dứa, chặt và bóc vắc chuối lên xe hoặc sang suối bên kia biên giới Trung Quốc). Các công việc này có thể đem lại mức tiền công cho người làm thuê khá cao, từ 100.000 đồng/ngày/người (cùng bữa cơm trưa) đến 300.000 đồng/ngày/người (với việc đào hố trồng chuối) [1, tr.70]. Thảo luận nhóm nhóm cán bộ xã Nậm Chảy (huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai) cho thấy, người dân của 6 thôn giáp biên giới của xã này (gồm Sấn Pản, Mả Phi, Gia Khâu A, Gia Khâu B, Lao Chải) thường đi làm thuê ở sát biên giới và xuyên biên giới (phổ biến là ở Trung Quốc). Điều đáng lưu ý là, người làm thuê chủ yếu là những người Mông, Tày, Nùng, Giáy và có thể là lao động nam hoặc lao động nữ. Công việc khuôn vắc đòi hỏi sức khỏe tốt nên các lao động nam vẫn có nhiều lợi thế hơn các lao động nữ. Chính trong quá trình làm thuê ấy, người Mông đã học tập kinh nghiệm trồng và chăm sóc dứa, chuối của người Trung Quốc, rồi đưa những cây trồng này về trồng trên đất của mình.

Ngoài người Kinh, một bộ phận lớn nữ lao động người Giáy, Mông, Bó Y... đã sang thị trấn Hà Khẩu của Trung Quốc để bán hàng thuê cho các siêu thị và cửa hàng Trung Quốc. Điểm nổi bật của trường hợp này là những người làm thuê thường đi theo

dòng họ, làng bản và hiển nhiên là cũng phải biết tiếng Trung để giao dịch [1, tr.81].

4. Kinh doanh nhỏ

Kể từ năm 1989 khi thông thương biên giới Việt - Trung được tái lập, đặc biệt là từ năm 1991 trở đi, quan hệ song phương Việt-Trung chuyển sang thời kỳ mới, chấm dứt cơ bản những căng thẳng, tạo ra sự ổn định ở vùng biên giới. Bên cạnh các hoạt động kinh tế truyền thống, hoạt động kinh tế biên mậu đã và đang đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh biên giới Việt - Trung. Hoạt động này được thực hiện thông qua các hình thức khác nhau như mậu dịch chính ngạch, mậu dịch tiểu ngạch, buôn bán của các cư dân biên giới và các dạng dịch vụ xuất nhập khẩu khác như chuyển khẩu, tạm nhập tái xuất... Gắn liền với các hoạt động kinh tế biên mậu là các chợ biên giới, chợ cửa khẩu, các khu kinh tế cửa khẩu và các khu hợp tác biên giới [1, tr.47-49].

Các cộng đồng DTTS ở vùng biên giới Việt - Trung tham gia vào trao đổi hàng hóa qua biên giới với các mức độ khác nhau tùy thuộc vào tư duy kinh tế và điều kiện kinh tế của từng tộc người. Chẳng hạn, tại xã Tân Thanh (huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn), khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu, Ban Quản lý thương mại Tân Thanh đã phân chia cho mỗi hộ bị thu hồi đất nông nghiệp một ô làm kiốt bán hàng ngay gần cửa khẩu và họ phải nộp gần 4 triệu đồng/năm/kiốt tiền thuê chỗ ngồi. Do đó, hiện nay, bên cạnh đi làm thuê, người Tày và Nùng ở khu vực này còn bán hàng tại chợ cửa khẩu. Các mặt hàng chủ yếu gồm: quần áo, giày dép, đồ điện tử...

Tuy nhiên, một số hộ không bán hàng mà cho thuê kiốt. Năm 2010, thôn Bản Thầu có 60 hộ cho thuê kiốt với mức giá là 40-50 triệu đồng/kiốt/năm tùy theo địa thế của từng kiốt [1, tr.54].

Bên cạnh đó, đội ngũ những người kinh doanh nhỏ cũng dần hình thành và phát triển trong cộng đồng các DTTS. Họ gồm những người kinh doanh các cửa hàng tạp hóa, xay xát, bi-da, vận tải, homestay... Ở một số thôn bản của người Tày (như Bản Lò, tỉnh Lạng Sơn...) ở gần trung tâm huyện lỵ, nhiều người (chủ yếu là đàn ông) còn thường xuyên tham gia buôn bán hàng Trung Quốc [9, tr.54].

Ngoài người Kinh, nhiều người DTTS sang chợ biên giới Hà Khẩu bán hàng. Chẳng hạn, có khoảng 100 người Giáy ở làng Tòng (xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) bán nhiều mặt hàng rau, quả khác nhau ở dọc con đường phía bên trái chợ. Họ thường chỉ bán trong ngày, sáng đi tối về với mức thu từ nguồn này đạt khoảng 100.000 đồng/ngày/người. Người nào may mắn thì có thể thu được vài ba trăm nghìn đồng tiền lãi. Tuy nhiên, nguồn thu này không ổn định vì có lúc hòa vốn, có lúc bị mất trắng do bị công an Trung Quốc tịch thu hàng. Ngoài người Giáy, còn có nhiều người Tày, Bô Y cũng sang chợ Hà Khẩu bán hàng [1, tr.56].

Hiện nay, ở một số cộng đồng DTTS sát khu vực cửa khẩu quốc tế và quốc gia xuất hiện một số dịch vụ khác như kinh doanh đồ ăn (mở cửa hàng cơm phở) và đồ uống (tiệm giải khát), cửa hàng chụp ảnh, photocopy, cho thuê xe... Tuy nhiên, số lượng người DTTS tham gia vào dịch vụ này không nhiều vì những loại hình dịch vụ này đòi hỏi nguồn vốn lớn và có kinh nghiệm trong kinh doanh.

Ở huyện Mèo Vạc (tỉnh Hà Giang) và Bảo Lạc (tỉnh Cao Bằng), nơi chiếm 96,15% dân số Lô Lô của cả nước đã xuất hiện các thương lái bò bán chuyên nghiệp người Lô Lô. Số này hoạt động kinh doanh trâu bò dưới hình thức liên kết vốn theo nhóm, đặt mua (trả tiền “đặt cọc”) rồi thuê ngay chủ nhà nuôi tiếp tới ngày chợ phiên hoặc dịp hẹn với thương lái người Kinh, người Trung Quốc. Theo cách đó, bò trở thành hàng hóa trong vòng quay “tiền - hàng” và người Lô Lô được cuốn hút vào quan hệ thị trường dưới hình thức thương mại và dịch vụ: mua và bán, thuê nuôi và nuôi thuê, mua gom và bán đôn cho thương lái nội địa và thương lái Trung Quốc [6].

5. Những vấn đề tồn tại

Hoạt động phi nông nghiệp của các DTTS vùng biên giới Việt - Trung chưa có hiệu quả cao vì còn tồn tại các vấn đề sau:

Thứ nhất là thiếu vốn

Mặc dù có nhiều tiềm lực về kinh tế song các tỉnh biên giới Việt - Trung vẫn là những tỉnh nghèo, kém phát triển trong cả nước. Đầu tư của các tỉnh chủ yếu vẫn là từ ngân sách nhà nước. Các nguồn vốn đầu tư của nước ngoài chủ yếu dành cho những vùng có khu công nghệ cao và khu công nghiệp. Riêng ở vùng biên giới Việt - Trung, đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) được cấp giấy phép tính đến ngày 31/12/2015 chỉ cao hơn vùng Tây Nguyên. Trong đó, FDI được cấp giấy phép tại tỉnh Quảng Ninh là cao nhất, với 111 dự án/5.380,7 triệu đô la Mỹ; tiếp đến là Hà Giang - 7 dự án/1.029 triệu đô la Mỹ, Lào Cai - 30 dự án/838,6 triệu đô la Mỹ, Lạng Sơn - 36 dự án/207 triệu đô la Mỹ, Cao

Bằng - 24 dự án/51,2 triệu đô la Mỹ, Lai Châu - 3 dự án/4 triệu đô la Mỹ. Riêng tỉnh Điện Biên, tính đến ngày 31/12/2015, không có dự án nào được đầu tư trực tiếp bởi nước ngoài [12]. Tại các cộng đồng DTTS, các nghiên cứu cũng cho thấy rằng, tùy từng dân tộc và từng vùng mà mức độ thiếu vốn có thể không giống nhau, hầu hết các dân tộc đều thiếu vốn đầu tư cho sản xuất [1], [9], [14]. Kết quả điều tra phiếu ở các dân tộc Mông, Thái và Dao ở hai tỉnh Lào Cai và Lai Châu cũng chỉ rõ rằng thiếu vốn là nguyên nhân quan trọng nhất của sự nghèo đói, tỷ lệ số người được hỏi thừa nhận điều này tương ứng lần lượt với từng tỉnh là 64,3% và 61,5%. Chia theo dân tộc, tỷ lệ người thừa nhận điều này tương ứng lần lượt với các dân tộc Mông, Thái và Dao là 69%, 61,5% và 59,3%. Rõ ràng, người Mông ở một số thôn bản tuy có kinh tế hộ khá hơn so với nhiều dân tộc khác trong vùng nhưng chính họ lại là người thiếu vốn nhiều nhất bởi sự đầu tư cho sản xuất hàng hóa hướng tới không chỉ thị trường trong nước mà còn cho xuất khẩu sang nước láng giềng là Trung Quốc.

Thứ hai là trình độ dân trí thấp và lao động chủ yếu là thủ công, chưa qua đào tạo

Trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và lao động có tay nghề đang dần chiếm lĩnh, yếu tố con người luôn là vấn đề sống còn với một quốc gia, dân tộc. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số của các địa phương nhìn chung tương đối lớn và khác nhau qua từng địa phương. Năm 2014 tỷ lệ lao động trên 15 tuổi đang làm việc của tỉnh Cao Bằng là lớn nhất so với các tỉnh khác thuộc vùng biên giới Việt - Trung, chiếm 68,3% tổng số dân; rồi đến tỉnh Lạng Sơn - 66,7%; Hà Giang - 63,9%; Điện Biên - 63,7%; Lào

Cai - 61,8%; Lai Châu - 60,2%; Quảng Ninh - 57,5% [12]. Tuy nhiên, con số này bao gồm cả những lao động là người Kinh. Nếu chỉ tính riêng các lao động là người DTTS thì tỷ lệ là rất thấp, đặc biệt đối với những lao động đã được qua đào tạo.

Hiện nay, lao động của vùng DTTS chủ yếu tham gia vào nghề nông và các nghề đơn giản, các lĩnh vực đòi hỏi trình độ chuyên môn kỹ thuật cao và trung bình hầu như rất ít. Tại vùng miền núi vùng Trung du và miền núi phía Bắc, trong đó có vùng biên giới Việt Trung có đến 78,44% dân số từ 15 tuổi trở lên đang tham gia vào nghề nông và các ngành nghề đơn giản; trong khi đó, chỉ có 6,26% tham gia vào các ngành nghề có chuyên môn kỹ thuật cao và trung bình, tức là chỉ cao hơn vùng Tây Nguyên (5,93%). Nguồn nhân lực trong độ tuổi lao động của vùng DTTS đã qua đào tạo mới đạt 10,5% (so với cả nước 25%) trong khi chưa qua đào tạo chiếm tỷ trọng quá lớn 89,5%. Nguồn nhân lực vùng DTTS và miền núi có trình độ đại học, trên đại học đạt 2,8%, riêng người DTTS chiếm khoảng 1,1% (thấp hơn 4 lần so với toàn quốc); trong đó, vùng Trung du và miền núi phía Bắc (bao gồm cả vùng biên giới Việt-Trung) là 2,8% [20]. Các chỉ tiêu này phần nào phản ánh sự hạn chế về trình độ và năng lực của lao động vùng biên giới Việt - Trung hiện nay.

Thứ ba là những bất ổn về xã hội ngày càng tăng

Kinh tế biên mậu phát triển đã góp phần nâng cao thu nhập cho một bộ phận dân cư nhưng cũng làm cho sự phân hóa giàu nghèo tăng lên, đặc biệt là ở vùng DTTS. Tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng trở nên phổ biến không chỉ giữa vùng nông thôn và thành thị mà còn giữa các dân tộc

và giữa các hộ gia đình. Điều này được thể hiện trước tiên ở mức chênh lệch khá rõ nét về thu nhập bình quân đầu người một tháng giữa nhóm thu nhập cao nhất với nhóm thu nhập thấp nhất [4]. Cá biệt, ở Lào Cai, sự chênh lệch giữa hai nhóm này là gấp hơn 10 lần [1, tr.77].

Những bất ổn về xã hội cũng phần nào nảy sinh từ sự phát triển của kinh tế biên mậu. Tình trạng lao động tự do tự phát tuy đem lại nguồn thu tiền mặt đáng kể cho một bộ phận dân cư nhưng cũng để lại những hệ quả đáng tiếc. Các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm ở một số cộng đồng Tày, Nùng ở tỉnh Lạng Sơn cho thấy, một số người (tuy không nhiều và chủ yếu là phụ nữ) đi làm thuê ở Trung Quốc bị chủ lừa, rồi quyết tiền công, hoặc bị kẻ xấu trấn lột trên đường về nhà, một số ít thì bị đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Một số nghiên cứu trước đây cũng chỉ ra hiện trạng này ở vùng biên giới Việt - Trung [9]. Tình trạng này cũng xảy ra với nhiều DTTS ở Lào Cai và Lai Châu khi họ đi làm thuê cho người Trung Quốc, đặc biệt là những công việc làm thuê ở sâu trong nội địa của quốc gia này. Nhiều trường hợp được ghi nhận qua phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm ở các cộng đồng Dao, Mông, Tày, Nùng ở các tỉnh Lào Cai, Lai Châu và Lạng Sơn cho thấy người làm thuê thường không có giấy thông hành, làm thuê “chui” (tức không có giấy phép) nên khi sắp phải thanh toán tiền cho người làm thuê, một số chủ thuê lao động đã báo công an sở tại đến bắt những người làm thuê. Để không bị bắt, những người làm thuê đã bỏ chạy trước khi được thanh toán tiền và khi quay trở lại thì không được chủ thanh toán. Điều này đã đặt ra vấn đề về quản lý lao động và xuất nhập cảnh cho cả hai phía Việt Nam và Trung Quốc,

cho cả người Trung Quốc thuê lao động và người Việt Nam làm thuê. Đây cũng là những vấn đề xã hội đang đặt ra cho các cư dân ở vùng biên giới trong tìm kiếm sinh kế xuyên quốc gia.

Ngoài ra, đã xuất hiện một số tệ nạn xã hội (như tội phạm ma túy, buôn lậu...) ở vùng DTTS. Những năm gần đây, tình hình tội phạm ma túy ở các tỉnh biên giới phía Bắc nói chung, vùng biên giới Việt - Trung nói riêng là căng thẳng, nhức nhối khi có nhiều loại ma túy hiện đại như heroin, amphetamine-type-stimulans (ma túy tổng hợp dạng viên-ATS), methamphetamine (ma túy tổng hợp dạng “đá”) cùng với nhiều phương thức sử dụng mới (hít, tiêm chích...) tràn vào cộng đồng các DTTS ở khu vực này. Trong khi đó, tình trạng trồng cây thuốc phiện dù đã giảm rất nhiều nhưng vẫn còn tái diễn ở một số địa phương vùng sâu, vùng xa, biên giới. Do vậy, nhắc đến vùng biên giới Việt - Trung thì người ta thường hình dung ra những điểm nóng nhức nhối về nạn ma túy và tội phạm ma túy trên các địa bàn như huyện Điện Biên, Mường Nhé (Điện Biên), Phong Thổ (Lai Châu), Móng Cái (Quảng Ninh), Văn Lãng (Lạng Sơn)... Số liệu của Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an cho thấy, số ma túy tổng hợp từ Trung Quốc thâm lậu vào Việt Nam chiếm 90% lượng ma túy tiêu thụ trong nước. Điều đặc biệt lo ngại là, thời gian qua, trên tuyến biên giới Việt - Trung còn xuất hiện nhiều đường dây ma túy lớn, liên tuyến, liên tỉnh và xuyên quốc gia. Riêng trong 6 tháng đầu năm 2016, các lực lượng phòng chống tội phạm ma túy trên tuyến biên giới Việt-Trung đã phát hiện, thu giữ 79,42kg hêrôin, 11,79kg thuốc phiện, 11,33kg cần sa, 77,6kg cùng 18.023 viên ma túy tổng hợp [19]... Các đối tượng thường dùng

phương tiện cá nhân vận chuyển ma túy đến các đường mòn, lối mở, vùng núi hẻo lánh để trao đổi, mua bán với các đối tượng bên Trung Quốc. Việc đồng bào các DTTS ở địa phương từ chỗ bị lợi dụng vào việc mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy đến việc trở thành những “đầu mối” mua bán, vận chuyển ma túy xuyên biên giới là một thực trạng đáng báo động.

Liên quan đến buôn lậu, một số thôn bản người DTTS ở sát biên giới bị các đối tượng buôn lậu lợi dụng để thu hút vào việc tập kết, vận chuyển hàng lậu qua biên giới của hai nước Việt Nam và Trung Quốc. Đã có những điểm nóng về vận chuyển hàng buôn lậu tại vùng biên giới Việt - Trung, như: các đường mòn thuộc khu vực đồi 386, Hang Dơi thuộc xã Tân Mỹ; khu vực Đồi Cao, Rọ Bon thuộc xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng; khu vực đường mòn mốc 05, 06, khe Bà Đen, Thác Nước thuộc địa bàn thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, một số đường mòn qua biên giới thuộc xã Yên Khoái, Tú Mịch huyện Lộc Bình... của tỉnh Lào Cai. Đặc biệt, khu vực từ thị trấn Đồng Đăng (huyện Cao Lộc) lên đến xã Tân Mỹ (huyện Văn Lãng) từ lâu đã trở thành điểm nóng về buôn lậu do có vị trí tiếp giáp với các “tổng kho” hàng lậu là Lũng Nhị, Lũng Vài, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc [15]. Tại Thành phố Móng Cái (tỉnh Quảng Ninh), địa bàn trọng điểm buôn lậu là các phường Ka Long, Hải Yên và các khu vực: Lục Lâm (thuộc các phường Trần Phú, Hải Hòa), phường Trà Cổ, km10 đến km14, Đại Vai (thôn Lục Phú, xã Bắc Sơn), Lục Chấn (xã Hải Sơn) [18], hai huyện Trùng Khánh và Hạ Lang của tỉnh Cao Bằng [17]... Hàng hóa buôn lậu qua biên giới chủ yếu là đồ điện, điện tử, quần áo, chăn màn, mỹ phẩm, giày dép. Ngoài ra,

còn có đồ chơi bạo lực, điện thoại di động, rượu, thuốc lá ngoại, pháo nổ, tiền giả, ma túy... Phương thức vận chuyển là vận chuyển bằng sức người (đi bộ), ngựa, xe máy... Thời điểm diễn ra các hoạt động buôn lậu sôi nổi nhất là vào các dịp Tết Nguyên đán, Tết Vu Lan, Tết Trung thu.

6. Kết luận

Kinh tế biên mậu ở một bộ phận lớn người DTTS, đặc biệt là các dân tộc Mông, Dao, Tày và Nùng ở vùng biên giới Việt-Trung đã làm thay đổi đáng kể tư duy kinh tế, chuyển từ tư duy kinh tế truyền thống (tự cấp tự túc, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước là chính) sang tư duy kinh tế năng động. Những hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, đặc biệt là nghề thủ công truyền thống, làm thuê và kinh doanh nhỏ, có vai trò và ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay, người dân các dân tộc thiểu số vùng biên giới Việt-Trung vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trong đó, các vấn đề cần giải quyết đáng chú ý là thiếu vốn; trình độ dân trí thấp, lao động chủ yếu là thủ công, chưa qua đào tạo; những bất ổn về xã hội ngày càng tăng. Các vấn đề cần giải quyết để thúc đẩy sự phát triển ổn định và lâu dài ở vùng biên giới nói chung, đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng các dân tộc ở vùng biên giới Việt-Trung nói riêng.

Lời cảm tạ

Tác giả chân thành cảm ơn Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) đã tài trợ cho nghiên cứu này trong đề tài

“*Chuyển đổi sinh kế của các dân tộc thiểu số ở vùng biên giới Việt - Trung*”, mã số IV2.2-2013.10.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng chủ biên) (2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*, Nxb Khoa học xã Hà Nội, Hà Nội.
- [2] Phạm Thu Hà (2012), *Luận văn thạc sĩ Dân tộc học “Biến đổi sinh kế của người Tày ở biên giới tỉnh Lạng Sơn từ đổi mới đến nay (nghiên cứu trường hợp thôn Bản Thầu, xã Tân Thanh, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn)”*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
- [3] Trần Hồng Hạnh (2010), “Vai trò của văn hóa tộc người trong phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Bắc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 6.
- [4] Trần Hồng Hạnh (2015), “Chuyển đổi sinh kế của vùng biên giới Việt-Trung: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Lạng Sơn”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 6.
- [5] Trần Hồng Hạnh (Chủ nhiệm) (2016), *Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “Thay đổi sinh kế của một số dân tộc thiểu số ở vùng miền núi Tây Bắc dưới tác động của biến đổi khí hậu”*, Viện Dân tộc học, Hà Nội.
- [6] Phạm Đăng Hiến (2010), “Người Lô Lô trong môi trường kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt - Trung”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 1.
- [7] Bùi Thị Bích Lan (2015), “Các hoạt động phi nông nghiệp ở thôn Pò Cại - Thực trạng và những tác động”, *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, 5.
- [8] Vũ Dương Ninh (Chủ biên) (2010), *Biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
- [9] Vương Xuân Tình - Trần Hồng Hạnh (Đồng chủ biên) (2012), *Phát triển bền vững văn hóa*

- tộc người trong quá trình hội nhập ở vùng Đông Bắc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [10] Vương Xuân Tình (Chủ biên) (2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [11] Tổng cục Thống kê (2015), *Niên giám thống kê 2014*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [12] Tổng cục Thống kê (2016), *Niên giám thống kê 2015*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
- [13] S. Pandey, N.T. Khiem, H. Waibel, and T.C. Thien (2006), *Upland Rice, Household Food Security, and Commercialization of Upland Agriculture in Vietnam*, IRRI (International Rice Research Institute).
- [14] Tran Hong Hanh (2009), *Local Knowledge and Food Security Among Red Yao Ethnic Group in Vietnam (A case study in Sa Pa district, Lao Cai province, Vietnam)*, LIT VERLAG, Berlin.
- [15] <http://www.baomoi.com/nhuc-nhoi-nan-buon-lau-tai-bien-gioi-lang-son/c/21107998.epi>
- [16] <http://www.cema.gov.vn/ket-qua-dieu-tra-thuc-trang-kt-xh-53-dan-toc-thieu-so-nam-2015.htm>
- [17] <http://cand.com.vn/Phong-su-tu-lieu/Buon-lau-vung-bien-gioi-Cao-Bang-dien-bien-phuc-tap-387422/>
- [18] <http://www.nhandan.com.vn/xahoi/phapluat/item/29820502-cuoc-chien-chong-buon-lau-o-vung-bien-mong-cai.html>
- [19] <http://www.bienphong.com.vn/ngan-dong-ma-tuy-tren-vung-bien-phia-bac/>
- [20] <http://chuongtrinh135.vn/Tin-Hoat-Dong/NewsId/2613/PageView/Tiep-tuc-tap-trung-giai-quiet-nhung-van-de-buc-xuc-vung-dan-toc--mien-nui>
- [21] https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh_s%C3%A1ch_c%C3%A1c_d%C3%A2n_t%E1%BB%99c_Vi%E1%BB%87t_Nam_theo_s%E1%BB%91_d%C3%A2n
- [22] <https://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=387&idmid=3&ItemID=12875>